

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc phê chuẩn Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn từ nay đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại công văn số 4246 - NN/KH/TTr ngày 22-11-1997 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại công văn số 8530- HĐTD ngày 31-12-1997.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng duyên hải Nam Trung bộ gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2010, với những nội dung chính như sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

1. Lấy công nghiệp làm trọng tâm đột phá phát triển kinh tế vùng theo hướng sắp xếp lại cơ cấu ngành nhằm phát triển các nhóm ngành chủ đạo, có lợi thế về nguồn nguyên liệu gắn với tài nguyên các cảng nước sâu, hình thành các khu công nghiệp tập trung, trước hết là dải Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất và Nha Trang - Diên Khánh - Cam Ranh. Hướng mạnh về công nghiệp chế biến sản phẩm xuất khẩu, coi trọng đầu tư chiều sâu, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ kết hợp quy mô lớn có trọng điểm thu hút nhiều lao động.

2. Tập trung phát triển ngành kinh tế biển để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển nhanh nuôi trồng thủy, hải sản, chú trọng các đặc sản. Xây dựng và khai thác các cảng nước sâu để phát triển vận tải, dịch vụ cảng gắn với xây dựng các khu công nghiệp tập trung Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất và Văn Phong - Nha Trang - Cam Ranh.

3. Phát triển du lịch quốc tế và nội địa với nhiều hình thức.

4. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng bảo vệ sinh thái bền vững; giải quyết vững chắc an toàn lương thực, tập trung phát triển nhanh một số cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Phát triển chăn nuôi đại gia súc làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; Coi trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng, gắn với giữ gìn cảnh quan và môi trường sinh thái.

5. Đi đôi với phát triển kinh tế, chú ý phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở xã hội, bảo vệ sức khỏe, chống ô nhiễm môi trường, nhất là tại những vùng trọng điểm phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ; cải thiện điều kiện sống và hạ tỷ lệ tăng dân số với mức 0,1% /năm. Phát triển Kinh tế - Xã hội phải gắn với củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia.

II. MỤC TIÊU CƠ BẢN

1. Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng thời kỳ 1998- 2000 đạt 11,5%/ năm và đạt 12-13,5%/ năm thời kỳ 2001-2010. GDP bình quân đầu người khoảng 330-345 USD vào năm 2000 và 770-810 USD vào năm 2010, trong đó khu vực kinh tế trọng điểm Liên Chiểu- Đà Nẵng- Dung Quất đạt từ 400- 450 USD năm 2000 và đạt từ 920-1200 USD năm 2010.

2. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá: tăng tỷ trọng công nghiệp từ 25-27% năm 2000 và 35-39% năm 2010, dịch vụ du lịch chiếm 45-48% năm 2000 và tăng lên 45-49% năm 2010, nông nghiệp 17-19% năm 2000 và 9-10% năm 2010.

3. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng với nhịp độ từ 25-30%/ năm.

4. Phát triển các lĩnh vực giáo dục- đào tạo, y tế, văn hoá, xã hội, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động theo yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH

1. Về công nghiệp:

Phát triển nhanh công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp lọc dầu; khai thác tài nguyên khoáng sản (sa khoáng nặng, đá ốp lát, cát thuỷ tinh, nước khoáng...), phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản..., thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, nâng cao năng lực đánh bắt hải sản và công nghiệp chế biến thủy, hải sản, nhất là chế biến xuất khẩu, đầu tư cho ngành cơ khí, chủ yếu là sửa chữa và đóng tàu thuyền; phát triển ngành công nghiệp dệt, da, may..., phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Từng bước đầu tư tập trung dứt điểm cho các khu công nghiệp với công nghệ tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao.

Phát triển các ngành công nghiệp và các khu công nghiệp nhằm tạo động lực cho toàn vùng tiến kịp nhịp độ phát triển chung của cả nước.

2. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy, hải sản :

- Về nông nghiệp : Phân đầu giữ mức tăng trưởng trên cơ sở chuyển mạnh cơ cấu sản xuất theo hướng thâm canh tăng vụ tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá ; phát huy các công trình thuỷ lợi hiện có và xây dựng các công trình mới để thâm canh, kết hợp mở rộng diện tích nhằm từng bước thực hiện mục tiêu an toàn lương thực và góp phần tham gia xuất khẩu; chú trọng phòng chống thiên tai bão lụt ; phát triển các cây công nghiệp ngắn ngày như mía, lạc , thuốc lá và cây công nghiệp dài ngày: điều, dừa, cà phê, chè, cao su, ca cao, hồ tiêu tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến ; phát triển nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp, vườn đồi tạo môi trường phát triển bền vững, chú trọng trồng cây ăn quả phục vụ đời sống, tạo cảnh quan, môi trường cho du lịch. Phát triển mạnh và đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất hàng hoá, phân đầu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp đến năm 2000 đạt trên 30% và đạt 40 – 45% vào năm 2010, đẩy mạnh chăn nuôi bò thịt, bò sữa, đàn lợn và gia cầm.

- Về lâm nghiệp: Bảo vệ 897.000 ha rừng tự nhiên hiện có, quản lý và chăm sóc 71.700 ha rừng đã trồng, sử dụng khoảng trên 1 triệu ha đất trống, đồi núi trọc vào trồng rừng để đưa đất sử dụng trong lâm nghiệp trên khoảng 2,1 triệu ha, trong đó:

- + Hệ thống rừng sản xuất khoảng 1,3 triệu ha.
- + Hệ thống rừng phòng hộ khoảng 0,71 triệu ha.
- + Hệ thống rừng đặc dụng khoảng 0,23 triệu ha.

Nâng tỷ lệ che phủ lên 44-45% năm 2000 và 62-68% năm 2010.

- Về thuỷ, hải sản: Đầu tư và phát triển ngành thuỷ, hải sản theo hướng hiện đại hoá nhằm nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; Chú trọng nuôi trồng thuỷ sản, tạo điều kiện cho ngành thuỷ, hải sản giữ vai trò là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của vùng; phân đầu mức tăng trưởng bình quân đạt 8,4% /năm suốt cả giai đoạn từ nay đến năm 2000 và đạt 3%/năm từ 2001-2010; từng bước nâng cao giá trị sản phẩm chế biến góp phần xuất khẩu.

3. Về phát triển cơ sở hạ tầng:

- Xây dựng hệ thống giao thông (bộ, sắt , thuỷ, hàng không) thoả mãn nhu cầu vận chuyển hàng, hành khách, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển và đưa văn minh đô thị vào nông thôn;

- Tập trung có trọng điểm xây dựng một số cảng nước sâu, phát huy thế mạnh vận tải biển vừa vùng, đặc biệt là những cảng nối với đường xuyên Á, đường hàng hải quốc tế và có vị trí quan trọng đối với kinh tế - an ninh, quốc phòng;

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống thuỷ lợi phục vụ sản xuất và dân sinh;

- Đẩy nhanh việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, trước hết là các đô thị hạt nhân, nhất là cấp thoát nước, điện, giao thông vận tải nội thị, cơ sở hạ tầng về xã hội, vệ sinh môi trường và tăng cường công tác quản lý đô thị.

4. Phát triển du lịch - dịch vụ:

- Hình thành 3 trung tâm du lịch là: Thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận, Quy Nhơn và vùng phụ cận, thành phố Nha Trang và vùng Văn Phong, đồng thời xây dựng các khu du lịch khác như cụm du lịch Quảng Ngãi và phụ cận, cụm du lịch thị xã Tuy Hoà - Sông Cầu - Suối Trai (Phú Yên);

- Phát triển ngành thương mại đáp ứng yêu cầu của cả vùng và vùng Tây Nguyên; xây dựng các trung tâm thương mại của vùng ở Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, phát triển mạnh các loại hình dịch vụ khác như dịch vụ cảng biển, hàng không, viễn thông quốc tế, tài chính, ngân hàng...

5. Về phát triển các lĩnh vực xã hội:

- Tiếp tục đổi mới giáo dục, đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đưa giáo dục - đào tạo thành sự nghiệp của toàn dân;

- Phát triển mạng lưới phát thanh truyền hình;

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống trạm xá đến tất cả các xã, đặc biệt là các xã trung du, miền núi, hải đảo; coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt các chương trình quốc gia như thanh toán bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ, bệnh phong, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số 0,1 %/ năm từ nay đến năm 2000 và 0,05%/ năm sau năm 2000. Thực hiện việc phòng chống các tệ nạn xã hội;

- Chú trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ cần phải có biện pháp chống ô nhiễm môi trường tự nhiên, môi trường sống;

- Thực hiện có hiệu quả chương trình định canh định cư, xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào các dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo, khắc phục tình trạng chênh lệch giữa các vùng.

6. Về an ninh quốc phòng:

An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội phải là chỗ dựa vững chắc cho phát triển kinh tế. Thực hiện cơ chế kinh tế mở nhưng phải giữ vững chủ quyền quốc gia, nhất là vùng có biên giới, bờ biển, hải đảo, vùng có vị trí chiến lược rất quan trọng.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện Quy hoạch, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng cần thực hiện và vận dụng sáng tạo các biện pháp đồng bộ về cơ chế chính sách nhằm huy động tối đa mọi quyền lực tại địa phương, nguồn lực trong nước và ngoài nước. Các biện pháp phải được dung thể hoá trong phương pháp phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của Quy hoạch, trong các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

Thực hiện các biện pháp hữu hiệu nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ và khai thác thủy, hải sản là trọng tâm.

Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng cùng các Bộ, ngành ở trung ương chủ động nghiên cứu đề xuất với Chính phủ các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương nhằm phát triển theo định hướng đã đề ra.

Cần cụ thể hoá các giải pháp về vốn, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, bố trí sử dụng có hiệu quả để đảm bảo tính khả thi của Quy hoạch.

Điều 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ phải xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm và hàng năm để tổ chức chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa

bàn từng tỉnh, đồng thời theo dõi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho phù hợp với Quy hoạch này và với quy hoạch chung của cả nước.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng tiến hành theo dõi, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm để kiến nghị Thủ tướng điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Đã ký)

Phan Văn Khải